

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: **6 469** /BCT-TTB

V/v báo cáo công tác PCTN
phục vụ kỳ họp thứ 4 Quốc
hội khóa XIII

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2012

Kính gửi:

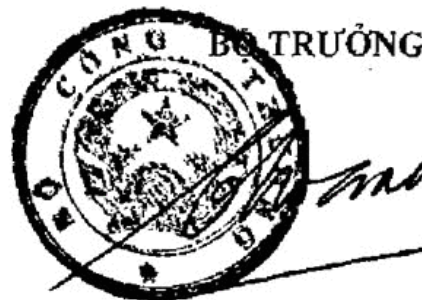
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty thuộc Bộ;
- Các Công ty trực thuộc Bộ;
- Các Viện, Trường, Trung tâm, Báo, Tạp chí trực thuộc Bộ;
- Các Vụ, Cục, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ;
- Cơ quan đại diện của Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Ban Thư ký Hội đồng cạnh tranh;
- Công đoàn Công Thương Việt Nam;
- Văn phòng Đảng ủy Bộ Công Thương.

Thực hiện công văn số 1727/TTCP-C.IV ngày 11 tháng 7 năm 2012 của Thanh tra Chính phủ về việc báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng phục vụ kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XIII, Bộ Công Thương yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo tình hình công tác phòng, chống tham nhũng gửi về Bộ Công Thương (qua Thanh tra Bộ) **trước ngày 10 tháng 8 năm 2012** (theo Đề cương gửi kèm hoặc tham khảo trên trang thông tin điện tử Bộ Công Thương <http://www.moit.gov.vn> Mục chống tham nhũng).

Số liệu báo cáo từ ngày 01 tháng 8 năm 2011 đến 31 tháng 7 năm 2012./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ;
- BCĐ PCTN Bộ Công Thương;
- Đăng Website Bộ Công Thương; ✓
- Lưu: VT, TTB.



Vũ Huy Hoàng

ĐỀ CƯƠNG

**Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng phục vụ kỳ họp thứ 4
(Quốc hội khóa XIII)**
(Kèm theo Công văn số **6 469/BCT-TTB** ngày **19** tháng 7 năm 2012
của Bộ Công Thương)

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG

1. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN; công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN trong phạm vi trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

1.1 Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

1.2 Việc ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng;

1.3 Tình hình tổ chức, phân công trách nhiệm trong Ban Chỉ đạo về phòng, chống tham nhũng và hoạt động của Ban Chỉ đạo;

1.4 Các kết quả khác đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng.

2.1 Việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

2.2 Việc xây dựng, ban hành và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn;

2.3 Việc cán bộ, công chức, viên chức nộp lại quà tặng;

2.4 Việc xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức;

2.5 Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức nhằm phòng ngừa tham nhũng;

2.6 Việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản và thu nhập;

2.7 Việc xem xét, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách;

2.8 Việc thực hiện cải cách hành chính;

2.9 Việc tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

2.10 Việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản;

2.11 Các nội dung khác đã thực hiện nhằm phòng ngừa tham nhũng (nếu có).

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng.

3.1 Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động tự kiểm tra nội bộ;

3.2 Kết quả công tác thanh tra và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra:

- Tổng số vi phạm phát hiện qua thanh tra (tiền, đất đai, tài sản khác), trong đó nêu cụ thể số liệu vi phạm có dấu hiệu tham nhũng;
- Tổng số kiến nghị thu hồi; đã thu hồi được;
- Kết quả xử lý hành chính; xử lý hình sự (chuyển điều tra bao nhiêu vụ, đối tượng, trong đó bao nhiêu vụ có dấu hiệu tham nhũng).

3.3 Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua giải quyết khiếu nại, tố cáo;

3.4 Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý;

3.5 Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác.

4. Kết quả thực hiện Chiến lược PCTN đến năm 2020 và Kế hoạch thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng.

4.1. Công tác chỉ đạo, triển khai, cụ thể hoá, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện.

4.2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được giao trong chiến lược quốc gia và kế hoạch thực thi Công ước.

4.3. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ cụ thể mà cơ quan, tổ chức, đơn vị đã đề ra trong kế hoạch của mình nhằm thực thi Chiến lược, Công ước.

4.4. Đề xuất cụ thể những nhiệm vụ cần được đưa vào kế hoạch của Bộ thực hiện giai đoạn 2 của Chiến lược quốc gia PCTN.

5. Phát huy vai trò của xã hội, hợp tác quốc tế về PCTN.

5.1 Các nội dung đã thực hiện nhằm nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, cơ quan báo chí, ngôn luận và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng;

5.2 Những kết quả, đóng góp của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, cơ quan báo chí, ngôn luận, doanh nghiệp và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng;

5.3 Các hoạt động hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG, CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG VÀ DỰ BÁO TÌNH HÌNH

1. Đánh giá tình hình tham nhũng.

1.1 Đánh giá tình hình tham nhũng trong phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

1.2 So sánh tình hình tham nhũng kỳ này với cùng kỳ năm trước.

2. Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng.

2.1 Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác PCTN trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

2.2 So sánh hiệu quả công tác PCTN kỳ này với cùng kỳ năm trước.

2.3 Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng;

2.4 Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác phòng, chống tham nhũng.

- + Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác phòng, chống tham nhũng;
- + Phân tích rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan của những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

3. Dự báo tình hình tham nhũng.

3.1 Dự báo hiệu quả tác động của các giải pháp đang thực hiện và diễn biến tình hình tham nhũng (*khả năng tăng, giảm về số vụ việc, số đối tượng, tính chất vi phạm...*).

3.2 Dự báo những lĩnh vực, nhóm hành vi tham nhũng dễ xảy ra nhiều, cần phải tập trung các giải pháp phòng, ngừa và đấu tranh.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ (HOẶC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM) CỦA CÔNG TÁC PCTN NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM 2012 VÀ NĂM 2013

Nêu những định hướng, mục tiêu cơ bản, những giải pháp, nhiệm vụ cụ thể trong công tác phòng, chống tham nhũng sẽ được tập trung thực hiện trong những tháng cuối năm 2012 và năm 2013 nhằm đạt được mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng đã đề ra.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chính sách, pháp luật về PCTN (nếu phát hiện có sơ hở, bất cập);
- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN (nếu có vướng mắc);
- Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh PCTN, khắc phục những khó khăn, vướng mắc;
- Các nội dung cụ thể khác cần kiến nghị, đề xuất.

*** Ghi chú:**

- Việc đánh giá tình hình tham nhũng và hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng phải được phân tích, tổng hợp trên cơ sở:
 - + Kết quả cụ thể đạt được trong công tác phòng, chống tham nhũng; kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng;
 - + Tình hình phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị ở cơ quan, tổ chức, đơn vị;
 - + Kết quả tự nhận xét, đánh giá của các cơ quan, đơn vị trực thuộc;
 - + Các kết quả khảo sát, điều tra dư luận xã hội ở cơ quan, tổ chức, đơn vị (nếu có).
- Ngoài việc báo cáo chi tiết kết quả công tác phòng, chống tham nhũng theo các mục, nội dung nêu trên, cơ quan, tổ chức, đơn vị nhất thiết phải thống kê số liệu về một số kết quả chủ yếu trong công tác PCTN theo biểu mẫu gửi kèm.

PHỤ LỤC

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU CHỦ YẾU VỀ CÔNG TÁC PCTN

Phục vụ Kỳ họp thứ 4 (Quốc hội khóa XIII)

(Kèm theo Công văn số 6469 /BCT-TTB ngày 19/7/2012 của Bộ Công Thương)

A/ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
01	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành.	Văn bản	
02	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành.	Văn bản	
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
03	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	
04	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về PCTN được tổ chức	Lớp	
05	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật PCTN được xuất bản	Tài liệu	
	THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG		
	<i>Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị</i>		
06	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC	
07	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC	
	<i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i>		
08	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được ban hành mới	Văn bản	
09	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được hủy bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	
10	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc	
11	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện, xử lý	Vụ	
12	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Người	
13	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật	Người	
14	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người	
15	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thi quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu
16	Tổng giá trị vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi, bồi thường	Triệu đồng	
17	Số người đã nộp lại quà tặng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị	Người	
18	Giá trị của quà tặng đã được nộp lại (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	
	Thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp		
19	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp.	CQ, TC	
20	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý.	Người	
21	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác	Người	
	Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập		
22	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập (cả số do Bộ và Đơn vị quản lý tính đến thời điểm đến 31/7/2012)	Người	
23	Số người đã kê khai tài sản, thu nhập (cả số do Bộ và Đơn vị quản lý tính đến thời điểm đến 31/7/2012)	Người	
24	Số người được xác minh về việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	
25	Số người bị kết luận kê khai không trung thực	Người	
	Trách nhiệm của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng		
26	Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	
27	Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng		
28	Số người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng, trong đó:	Người	
	Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán		
29	Số cơ quan, tổ chức đã áp dụng hệ thống tiêu chuẩn ISO trong quản lý hành chính	CQ, TC	
30	Tỷ lệ % cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc	%	
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHƯNG		
	Qua công tác tự kiểm tra nội bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị		
31	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Vụ	
32	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Người	
	Qua hoạt động thanh tra		
	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra:		
33	+ Đầu XDCB và tài chính ngân sách	Vụ	
34	+ Lĩnh vực đất đai	Vụ	
35	+ Tín dụng, ngân hàng	Vụ	

09533023

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu
36	+ Lĩnh vực khác	Vụ	
	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra:		
37	+ Đầu XDCB và tài chính ngân sách	Người	
38	+ Lĩnh vực đất đai	Người	
39	+ Tín dụng, ngân hàng	Người	
40	+ Lĩnh vực khác	Người	
	Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo		
41	Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức	Đơn	
42	Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn	
43	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	
44	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	
	Qua công tác điều tra tội phạm		
45	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	
46	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	
	XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHƯNG		
47	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử trong kỳ (thống kê theo kết quả xét xử của toà án đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	
48	Số đối tượng tham nhũng bị kết án tham nhũng (thống kê theo kết quả xét xử của toà án đối với các cá nhân thuộc phạm vi quản lý trực tiếp)	Người	
	Trong đó: + Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng;	Người	
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng;	Người	
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng;	Người	
	+ Số đối tượng phạm tội TN đặc biệt nghiêm trọng.	Người	
49	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	
50	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	
51	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	
52	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	
	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được:		
53	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
54	+ Đất đai	m ²	

09533823

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		
55	+ Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
56	+ Đất đai		
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		
57	+ Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
58	+ Đất đai	m ²	

B/ DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHŨNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỲ

TT	Tên vụ việc	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xây ra sự việc	Cơ quan thụ lý, giải quyết vụ việc	Tóm tắt nội dung vụ việc

09533823